

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	09
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	11 - 30
7. Phụ lục số 01 – Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu	31

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đã trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT là Công ty Cổ phần, tiền thân là Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đăng ký kinh doanh lần đầu số 0703000328 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nam Định cấp ngày 10 tháng 11 năm 2003. Ngày 22 tháng 04 năm 2010, Công ty Cổ phần Thuận Hưng được đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Thiết bị và Xây lắp Điện Thiên Trường. Công ty chính thức được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600324084, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 12 tháng 12 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ : 29.550.000.000 đồng.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là KTT.

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại : +84 (24) 38 861 1968
- Mã số thuế : 0 6 0 0 3 2 4 0 8 4

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh chính của Công ty :

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản; bán buôn hóa chất công nghiệp; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch	16/05/2020	
Bà Đặng Thùy Dương	Thành viên	16/05/2020	
Bà Nguyễn Thị Nhân	Thành viên	16/05/2020	05/11/2022
Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên	05/11/2022	

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng ban	16/05/2020	
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên	17/04/2021	
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên	17/04/2021	25/07/2022
Ông Hoàng Văn Thái	Thành viên	25/07/2022	

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	14/09/2020	
Bà Nguyễn Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc	09/03/2021	08/09/2022
Bà Trần Thị Thu Linh	Phó Tổng Giám đốc	19/08/2022	
Bà Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng	06/05/2020	09/08/2022
Bà Phạm Linh Chi	Kế toán trưởng	19/09/2022	17/01/2023
Bà Phan Thị Trà Giang	Kế toán trưởng	18/01/2023	

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đức Hiếu - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 31.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, từ ngày 18/01/2023, Bà Phan Thị Trà Giang được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng thay thế cho Bà Phạm Linh Chi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 18/01/2023.

Ngoài sự kiện trên, theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các Chính sách Kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các Chuẩn mực Kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính kèm theo.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo này đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Số: 2242/23/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2023, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Tại mục VII.6 – Thuyết minh Báo cáo tài chính, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng gửi Thông báo số 12012/2022/TB-VPB ngày 12/12/2022 yêu cầu Công ty thanh toán số tiền 149.387.489.949 đồng trước ngày 22/12/2022. Tuy nhiên tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty vẫn chưa thanh toán số tiền trên. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2023.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số: 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Ngọc Nga – Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số: 0351-2023-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		387.656.390.078	298.566.976.270
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	1.380.366.204	11.198.979.916
111	1. Tiền		1.380.366.204	11.198.979.916
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	4.450.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	4.450.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		345.167.894.217	194.046.213.780
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	327.732.933.115	60.193.142.232
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	7.832.667.405	101.974.850.000
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	5.200.000.000	17.794.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	4.402.293.697	14.084.221.548
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	39.668.992.760	81.808.689.001
141	1. Hàng tồn kho		39.668.992.760	81.808.689.001
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.439.136.897	7.063.093.573
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		51.007.995	18.251.477
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.388.128.902	7.038.103.833
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	6.738.263
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		15.812.354.115	16.012.229.167
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.000.000.000	10.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	10.000.000.000	10.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		812.354.115	1.012.229.167
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.7	812.354.115	1.012.229.167
222	- Nguyên giá		1.361.787.014	1.361.787.014
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(549.432.899)	(349.557.847)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.8	5.000.000.000	5.000.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.000.000.000	5.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		-	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		403.468.744.193	314.579.205.437

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, tp. Hà Nội.

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		373.971.685.875	277.442.695.225
310	I. Nợ ngắn hạn		373.971.685.875	277.442.695.225
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	62.757.344.669	83.332.594.775
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	1.660.443.750	44.852.050.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	1.609.065.199	277.906.743
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.12	5.408.268.667	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	10.170.919.868	45.636.205.144
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.14	292.365.643.722	103.343.938.563
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		29.497.058.318	37.136.510.212
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	29.497.058.318	37.136.510.212
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		29.550.000.000	29.550.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		29.550.000.000	29.550.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(52.941.682)	7.586.510.212
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7.586.510.212	5.237.050.450
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		(7.639.451.894)	2.349.459.762
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		403.468.744.193	314.579.205.437

Người lập biểu

me

NGUYỄN THỊ NGỌC

Kế toán trưởng

Phan Thị Trà Giang

PHAN THỊ TRÀ GIANG

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		901.045.923.950	453.773.143.062
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	901.045.923.950	453.773.143.062
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	886.599.589.896	446.189.417.780
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.446.334.054	7.583.725.282
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	8.397.215.985	5.402.044.635
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	25.877.654.766	6.974.436.200
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		20.002.744.726	4.772.863.690
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	1.201.237.788	1.101.252.636
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	2.338.032.835	2.166.197.512
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(6.573.375.350)	2.743.883.569
31	11. Thu nhập khác		636.549.960	223
32	12. Chi phí khác	VI.7	106.262.712	89.960.706
40	13. Lợi nhuận khác		530.287.248	(89.960.483)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(6.043.088.102)	2.653.923.086
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.12	1.596.363.792	304.463.324
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(7.639.451.894)	2.349.459.762
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.8	(2.585)	795
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.9	(2.585)	795

Người lập biểu



NGUYỄN THỊ NGỌC

Kế toán trưởng



PHAN THỊ TRÀ GIANG

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



NGUYỄN ĐỨC HIỂU

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(6.043.088.102)	2.653.923.086
	2. Điều chỉnh cho các khoản		11.852.402.035	(397.930.149)
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.7	199.875.052	212.311.433
	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.3	(262.990.240)	18.939.363
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.3	(8.087.227.503)	(5.402.044.635)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	20.002.744.726	4.772.863.690
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.809.313.933	2.255.992.937
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(163.311.272.239)	(104.233.111.709)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		42.139.696.241	(77.252.170.642)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(93.495.281.193)	126.806.482.132
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(32.756.518)	1.176.391.342
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(20.002.744.726)	(4.772.863.690)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.11	(264.463.324)	(236.895.392)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		186.250.000	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(66.343.544)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(229.037.601.370)	(56.256.175.022)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(103.293.600.000)	(68.050.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		120.337.600.000	54.606.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.153.282.499	2.158.457.137
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30.197.282.499	(11.285.542.863)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.14	723.024.146.460	240.884.893.563
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.14	(534.002.441.301)	(164.276.605.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		189.021.705.159	76.608.288.563
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(9.818.613.712)	9.066.570.678
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	11.198.979.916	2.132.409.238
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	1.380.366.204	11.198.979.916

Người lập biểu

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ NGỌC

PHAN THỊ TRÀ GIANG



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư KTT (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán khoáng sản; bán buôn hóa chất công nghiệp; bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; bán buôn phân bón thuốc trừ sâu và hóa chất; bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; bán buôn cao su, tơ, xơ, sợi dệt; bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã tập trung đẩy mạnh, mở rộng thị trường kinh doanh thương mại hạt nhựa và bột nhựa nguyên sinh. Ngoài ra, do diễn biến thuận lợi của thị trường làm sản lượng xuất bán của Công ty tăng cao, dẫn đến doanh thu bán hàng của Công ty tăng mạnh so với năm trước. Tuy nhiên, mặc dù doanh thu năm nay tăng gấp đôi năm trước nhưng do Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính chưa hữu hiệu nên gánh chịu chi phí lãi vay rất lớn (tăng gấp 03 lần so với năm trước). Do đó dẫn đến lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của Công ty năm nay bị lỗ.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 12 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 12 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1st, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có năm hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	07
Máy móc và thiết bị	06 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá:

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa và các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

13. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1st, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	1.321.463.280	848.155.893
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	58.902.924	3.236.592.052
- Tiền đang chuyển	-	7.114.231.971
Cộng	<u>1.380.366.204</u>	<u>11.198.979.916</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chủ yếu là nợ phải thu bán bột nhựa, hạt nhựa nguyên sinh.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu bên liên quan	<u>23.026.026.080</u>	<u>30.000.000.000</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	8.597.880.000	-
- Công ty TNHH KJ Vina Hưng Yên	14.428.146.080	-
- Công ty TNHH SX và TM Nhựa An Dương	-	30.000.000.000
Phải thu các khách hàng khác	<u>304.706.907.035</u>	<u>30.193.142.232</u>
- Công ty Cổ phần Nhựa TSP	46.768.112.176	17.616.323.670
- Công ty CP Đầu tư Thương mại Việt Phúc	44.291.439.000	-
- Công ty TNHH Nguyên liệu SX Ngành Nhựa HK	42.512.620.550	-
- Các khách hàng khác	185.562.881.389	12.576.818.562
Cộng	<u>327.732.933.115</u>	<u>60.193.142.232</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho bên liên quan	<u>-</u>	<u>70.000.000.000</u>
- Ông Nguyễn Đức Hiếu	-	70.000.000.000
Trả trước cho khách hàng khác	<u>7.832.667.405</u>	<u>31.974.850.000</u>
- Samsung & HongKong Co., Ltd.	4.980.191.840	-
- Sabic Asia Pacific Pte Ltd.	2.525.608.800	-
- Các đối tượng khác	326.866.765	31.974.850.000
Cộng	<u>7.832.667.405</u>	<u>101.974.850.000</u>

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cho vay các bên liên quan	<u>-</u>	<u>-</u>
Phải thu về cho vay các khách hàng khác	<u>5.200.000.000</u>	<u>17.794.000.000</u>
- Bà Lưu Thị Huệ	2.700.000.000	2.000.000.000
- Ông Đào Mạnh Tuấn	2.500.000.000	-
- Các đối tượng khác	-	15.794.000.000
Cộng (*)	<u>5.200.000.000</u>	<u>17.794.000.000</u>

(*) Là các khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay có thời hạn dưới 06 tháng, lãi suất 20%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

5. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khác các bên liên quan	107.558.242	1.360.560.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc ⁽¹⁾	107.558.242	1.360.560.000
Các khoản phải thu khác	4.294.735.455	12.723.661.548
- Ký quỹ, ký cược	289.735.455	5.840.634.050
- Tạm ứng ⁽²⁾	4.005.000.000	5.000.000.000
- Khác	-	1.883.027.498
Cộng	4.402.293.697	14.084.221.548

⁽¹⁾ Là khoản phải thu lợi nhuận phân chia hợp tác với Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc (xem thuyết minh V.5b).

⁽²⁾ Chi tiết gồm:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyễn Hương Trang	-	2.500.000.000
- Nguyễn Thị Thương	2.180.000.000	2.500.000.000
- Trần Thu Giang	1.825.000.000	-
Cộng	4.005.000.000	5.000.000.000

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng số 68/2021/HĐHTKD/KTT-VB ngày 18/2/2021 và Phụ lục Hợp đồng số 01 ký ngày 25/05/2021 giữa Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc (Bên A) và Công ty (Bên B):

- Mục tiêu: cùng hợp tác, điều hành, quản lý và chia sẻ lợi nhuận có được từ việc hợp tác kinh doanh buôn bán hạt nhựa và vật liệu xây dựng;

- Phạm vi hợp tác:

+ Bên A: chịu trách nhiệm quản lý chung mặt bằng kinh doanh, tìm kiếm, đàm phán ký kết, thanh toán hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên liệu, ghi nhận và theo dõi doanh thu, chi phí;

+ Bên B: chịu trách nhiệm giám sát và cùng điều hành quá trình kinh doanh.

- Góp vốn:

+ Bên A: góp bằng tiền cho các khoản chi phí xây dựng, tổ chức vận hành và khai thác lợi ích từ việc hợp tác với số tiền 15.000.000.000 đồng (tương đương 60% tổng giá trị hợp tác);

+ Bên B: góp bằng tiền tương đương số tiền 10.000.000.000 đồng (tương đương 40% tổng giá trị hợp tác);

- Phân chia lợi nhuận: Bên B được hưởng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước tương đương với tỷ lệ góp vốn. Trường hợp hoạt động kinh doanh bị lỗ thì hai bên phải cùng nhau thỏa thuận giải quyết.

- Thời điểm chia lợi nhuận: ngày cuối cùng của năm tài chính.

- Thời hạn hợp đồng là 2 năm, bắt đầu từ ngày 20/02/2021 đến ngày 20/02/2023. Tại ngày 20/02/2023, Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc đã có biên bản thỏa thuận gia hạn hợp đồng hợp tác kinh doanh thêm 01 năm, từ ngày 20/02/2023 đến hết ngày 20/02/2024. Thời hạn trên có thể được kéo dài theo sự thỏa thuận của hai bên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí SXKD dở dang ⁽¹⁾	1.932.523.153	-	1.000.000.000	-
Hàng hóa ⁽²⁾	37.736.469.607	-	80.808.689.001	-
Cộng	39.668.992.760	-	81.808.689.001	-

⁽¹⁾ Là kinh phí phát triển dự án khu dân cư số 1, xã Tân Đức, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên theo văn bản số 2220/UBND-TCKH của UBND huyện Phú Bình.

⁽²⁾ Hàng hóa là hạt nhựa, bột nhựa, phụ tùng chuyên dụng... Ngoài ra, hàng hóa đang được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng trị giá 7.358.987.844 đồng (xem thuyết minh V.13).

7. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.290.214.287	71.572.727	1.361.787.014
- Tăng trong năm	-	-	-
- Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.290.214.287	71.572.727	1.361.787.014
Tài sản đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng	-	71.572.727	71.572.727
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	286.717.320	62.840.527	349.557.847
- Khấu hao trong năm	191.142.852	8.732.200	199.875.052
- Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	477.860.172	71.572.727	549.432.899
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.003.496.967	8.732.200	1.012.229.167
Số cuối năm ^(*)	812.354.115	-	812.354.115

^(*) Trong đó giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 0 đồng.

8. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản mua 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, mệnh giá trái phiếu 1.000.000 đồng/trái phiếu. Ngày phát hành là 24/12/2020, kỳ hạn 07 năm và đáo hạn vào ngày 24/12/2027. Lãi suất áp dụng là lãi suất thả nổi, được xác định theo công thức lãi suất bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ: lãi suất 5 năm đầu tiên bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,3%/năm; năm thứ 6 và năm thứ 7 bằng lãi suất tham chiếu cộng 1,5%/năm. Trái phiếu này Công ty dùng để thế chấp đảm bảo cho khoản vay ngân hàng (xem thuyết minh V.14).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn các bên liên quan	140.112.503	-
- Công ty TNHH SX và TM Nhựa An Dương (bên liên quan từ ngày 14/03/2022)	140.112.503	-
Phải trả người bán đối tượng khác	62.617.232.166	83.332.594.775
- Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Dịch vụ Kiên Long	10.560.256.855	17.608.531.285
- Công ty TNHH TM Nguyên liệu Đạt Phát	9.687.442.441	-
- Công ty TNHH Thành Công Thanh Trì	8.125.348.000	-
- Các nhà cung cấp khác	34.244.184.870	65.724.063.490
Cộng	62.757.344.669	83.332.594.775

Số dư nợ quá hạn tại ngày 31/12/2022 là 0 đồng.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	-	-
Trả trước của đối tượng khác	1.660.443.750	44.852.050.000
- Công ty TNHH Bao bì Hương Sen	947.700.000	-
- Công ty CP Phụ gia Nhựa Mega	712.743.750	-
- Các đối tượng khác	-	44.852.050.000
Cộng	1.660.443.750	44.852.050.000

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT	-	-	1.907.458.777	(1.907.458.777)	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	243.467.763	(243.467.763)	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	270.750.549	-	1.596.363.792	(264.463.324)	1.602.651.017	-
- Thuế thu nhập cá nhân	7.156.194	-	27.113.722	(27.855.734)	6.414.182	-
- Phí, lệ phí, phạt chậm nộp thuế	-	6.738.263	70.081.807	(63.343.544)	-	-
- Các khoản thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	277.906.743	6.738.263	3.847.485.861	(2.509.589.142)	1.609.065.199	-

11a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(6.043.088.102)	2.653.923.086
- Các khoản điều chỉnh tăng:	14.071.905.306	228.953.534
+ Chi phí khấu hao không hợp lệ	191.142.852	191.142.852
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	70.507.453	37.810.682
+ Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP	13.810.255.001	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	8.028.817.204	2.882.876.620
Thu nhập được miễn thuế	(46.998.242)	(1.360.560.000)
- Tổng thu nhập tính thuế	7.981.818.962	1.522.316.620
Thuế TNDN theo thuế suất hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp	1.596.363.792	304.463.324
Thuế TNDN truy thu các năm trước	-	-
Tổng số thuế TNDN phải nộp	1.596.363.792	304.463.324

12. Chi phí phải trả ngắn hạn

Toàn bộ là chi phí lãi vay phải trả.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí phải trả các bên liên quan	-	-
Chi phí phải trả khác	5.408.268.667	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	4.894.855.488	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tây Đô	513.413.179	-
Cộng	5.408.268.667	-

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả ngắn hạn khác các bên liên quan	-	-
Phải trả ngắn hạn khác đối tượng khác	10.170.919.868	45.636.205.144
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (*)	9.770.645.600	45.424.665.408
- Các đối tượng khác	400.274.268	211.539.736
Cộng	10.170.919.868	45.636.205.144

(*) Là khoản phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về các khoản thanh toán bằng L/C Upas cho nhà cung cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Tài sản đảm bảo:

- Do Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng (chung người đại diện theo pháp luật) bảo lãnh bằng Quyền sử dụng đất tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP.Hải Phòng (xem thuyết minh VII.3b);

- Do ông Nguyễn Đức Hiếu (chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh bằng các Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà (xem thuyết minh VII.3b).

14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	292.365.643.722	292.365.643.722	103.343.938.563	103.343.938.563
+ Vay ngân hàng	292.015.643.722	292.015.643.722	103.343.938.563	103.343.938.563
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽¹⁾	149.386.554.184	149.386.554.184	-	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Tây Đô ⁽²⁾	99.944.436.175	99.944.436.175	85.752.058.810	85.752.058.810
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – CN Thái Hà ⁽³⁾	42.684.653.363	42.684.653.363	17.591.879.753	17.591.879.753
+ Vay các cá nhân	350.000.000	350.000.000	-	-
Cộng ^(*)	292.365.643.722	292.365.643.722	103.343.938.563	103.343.938.563

^(*) Trong đó, số dư nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2022 là 145.778.653.672 đồng.

⁽¹⁾ Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 130122-6215258-01-SME ngày 14/1/2022:

+ Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng;

+ Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

+ Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 12/1/2022;

+ Lãi suất cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

+ Tài sản đảm bảo: Do Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng (chung người đại diện theo pháp luật) bảo lãnh bằng Quyền sử dụng đất tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP.Hải Phòng (xem thuyết minh VII.3b).

- Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 220322-6215258-01-SME ngày 25/3/2022 và hợp đồng sửa đổi bổ sung số 050522-6215258-01-SME ngày 5/5/2022:

+ Hạn mức tín dụng: 200.000.000.000 đồng;

+ Mục đích: Bổ sung vốn, mở LC;

+ Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 25/3/2022;

+ Lãi suất cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- + Tài sản đảm bảo:
 - Do Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng (chung người đại diện theo pháp luật) bảo lãnh bằng Quyền sử dụng đất tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP.Hải Phòng với số tiền đảm bảo cao nhất là 100.000.000.000 đồng (xem thuyết minh VII.3b);
 - Hàng hóa là hạt nhựa hình từ phương án mở L/C tại VP Bank để tại cảng (xem thuyết minh V.6);
 - Biện pháp bảo đảm khác: Do ông Nguyễn Đức Hiếu (Chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 14/01/2022 bằng toàn bộ tài sản của cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh (xem thuyết minh VII.3b).
- (2) Là khoản vay của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Tây Đô theo Hợp đồng tín dụng số 1462-LAV-202200090 ngày 21/01/2022:
 - + Hạn mức tín dụng: 100.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích: Bổ sung vốn lưu động thực hiện phương án kinh doanh 2021-2022;
 - + Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày 21/01/2022;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng Giấy nhận nợ;
 - + Tài sản đảm bảo:
 - 5.000 trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, tổng giá trị là 5.000.000.000 đồng (xem thuyết minh V.8);
 - Do Ông Nguyễn Thế Anh (Thành viên HĐQT) bảo lãnh bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà biệt thự) tại thửa đất số 384 tờ bản đồ số 112, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số CI 298291;
 - Ông Nguyễn Đức Hiếu (Chủ tịch HĐQT Công ty) đảm bảo bằng:
 - Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Đô (xem thuyết minh VII.3b);
 - Quyền sử dụng đất tại thửa đất số DC 25 tờ bản đồ số QH, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số CU 359483 (xem thuyết minh VII.3b).
- (3) Là khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thái Hà theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/1446074/HĐTD ngày 26/4/2022:
 - + Hạn mức tín dụng: 80.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích: Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng nhưng không quá ngày 30/04/2023;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể;
 - + Tài sản đảm bảo: Do Bà Trần Thị Thu Linh (Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm từ ngày 19/08/2022) bảo lãnh bằng các tài sản sau:
 - Bất động sản tại địa chỉ tổ 14 phường Long Biên, quận Long Biên, Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 880222;
 - Căn hộ chung cư số G4-0606, tòa G4-G5, Tổ hợp dịch vụ thương mại, văn phòng và chung cư Đại Kim (Five Star Garden), số 2 đường Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 302418.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
- Vay ngắn hạn ngân hàng	103.343.938.563	682.024.146.460	(493.352.441.301)	292.015.643.722
- Vay ngắn hạn cá nhân	-	41.000.000.000	(40.650.000.000)	350.000.000
Cộng	103.343.938.563	723.024.146.460	(534.002.441.301)	292.365.643.722

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

15b. Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ông Nguyễn Văn Đạt	2.500.000.000	8,46	1.500.000.000	5,08
- Ông Nguyễn Đức Hiếu	1.230.000.000	4,16	1.882.000.000	6,37
- Các cổ đông khác	25.820.000.000	87,38	26.168.000.000	88,55
Cộng	29.550.000.000	100,00	29.550.000.000	100,00

Chi tiết vốn chủ sở hữu của các cổ đông cập nhật tại ngày 31/12/2022.

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	29.550.000.000	29.550.000.000	-
Cộng	29.550.000.000	29.550.000.000	-

15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp đầu năm	29.550.000.000	29.550.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.550.000.000	29.550.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

15d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.550.000.000	29.550.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.955.000	2.955.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Là doanh thu bán hạt nhựa.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty có phát sinh doanh thu bán hạt nhựa với các bên liên quan như sau:

<i>Doanh thu bán hạt nhựa</i>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình	10.752.618.182	-
- Công ty TNHH KJ Vina	5.660.000.000	-
Cộng	<u>16.412.618.182</u>	<u>-</u>

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn bán hạt nhựa.

3. Doanh thu tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, cho vay	2.745.727.503	3.696.484.635
- Lãi trái phiếu	341.500.000	345.000.000
- Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phần	5.000.000.000	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	262.990.240	-
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh	46.998.242	1.360.560.000
Cộng	<u>8.397.215.985</u>	<u>5.402.044.635</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí lãi vay	20.002.744.726	4.772.863.690
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	412.161.048	-
- Các chi phí khác	5.462.748.992	2.201.572.510
Cộng	<u>25.877.654.766</u>	<u>6.974.436.200</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	367.657.412	297.524.642
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	810.220.113	801.759.813
- Các chi phí khác	23.360.263	1.968.181
Cộng	<u>1.201.237.788</u>	<u>1.101.252.636</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	1.155.903.260	1.032.979.109
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.875.052	212.311.433
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	982.254.523	920.906.970
Cộng	<u>2.338.032.835</u>	<u>2.166.197.512</u>

7. Thu nhập khác

Là khoản thu nhập do các đối tác hủy hợp đồng.

8. Chi phí khác

Chủ yếu là phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm.

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.639.451.894)	2.349.459.762
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.639.451.894)	2.349.459.762
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	<u>(2.585)</u>	<u>795</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1st, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(7.639.451.894)	2.349.459.762
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(7.639.451.894)	2.349.459.762
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm (CP)	2.955.000	2.955.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/CP)	(2.585)	795

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	1.523.560.672	1.330.503.751
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	199.875.052	212.311.433
- Chi phí dịch vụ mua ngoài, bằng tiền khác	1.815.834.899	1.724.634.964
Cộng	3.539.270.623	3.267.450.148

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tài sản tiềm tàng**

Tại ngày lập Báo cáo này, Công ty không phát sinh các khoản tài sản tiềm tàng.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Ông Nguyễn Đức Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2.	Bà Đặng Thùy Dương	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
3.	Bà Nguyễn Thị Nhân	- Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ ngày 05/11/2022) - Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ ngày 08/09/2022)
4.	Ông Nguyễn Thế Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm từ ngày 05/11/2022)
5.	Bà Nguyễn Thùy Dung	Trưởng BKS
6.	Ông Phạm Văn Hải	Thành viên BKS
7.	Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên BKS (miễn nhiệm từ ngày 25/07/2022)
8.	Ông Hoàng Văn Thái	Thành viên BKS (bổ nhiệm từ ngày 25/07/2022)
9.	Bà Trần Thị Thu Linh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm từ ngày 19/08/2022)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1st, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

- | | | |
|-----|-------------------------|--|
| 10. | Bà Phạm Thị Huyền Trang | Kế toán trưởng (miễn nhiệm từ ngày 09/08/2022) |
| 11. | Bà Phạm Linh Chi | Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 19/09/2022, miễn nhiệm ngày 17/01/2023) |
| 12. | Bà Phan Thị Trà Giang | Kế toán trưởng (bổ nhiệm từ ngày 18/01/2023) |

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
- Bà Đặng Thùy Dương	Tổng Giám đốc	89.393.750	84.640.625
- Bà Nguyễn Thị Nhân	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm từ ngày 08/09/2022	57.475.833	64.245.536
- Bà Phạm Linh Chi	Kế toán trưởng bổ nhiệm từ ngày 19/09/2022	47.781.755	-
- Bà Phạm Thị Huyền Trang	Kế toán trưởng miễn nhiệm từ ngày 09/08/2022	33.466.734	57.577.946
Cộng		228.118.072	322.806.128

Trong năm, các thành viên khác trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát không phát sinh tiền lương và thù lao tại Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
Ông Nguyễn Đức Hiếu		
- Chuyển tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng	18.900.000.000	-
- Hoàn trả tiền mua cổ phần Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng	(18.400.000.000)	-
Ông Hoàng Văn Thái		
- Thu tiền đi vay	10.000.000.000	-
- Chi trả tiền vay	(10.000.000.000)	-

Số dư với các thành viên quản lý chủ chốt

Số dư với thành viên quản lý chủ chốt được thể hiện ở Thuyết minh V.3.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

3b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**Các bên liên quan khác**

STT	Bên liên quan	Mối quan hệ
1.	Ông Nguyễn Văn Đạt	Cổ đông lớn của Công ty
2.	Bà Nguyễn Thị Nhung	Người có liên quan đến Bà Nguyễn Thị Nhân (thành viên HĐQT và cũng là Phó Tổng Giám đốc của Công ty)
3.	Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
4.	Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình (không còn là bên liên quan từ ngày 08/09/2022)	Công ty có thành viên HĐQT trong Công ty giữ vai trò chủ chốt
5.	Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc	Công ty có Giám đốc có liên quan đến thành viên chủ chốt
6.	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Đô thị KTTland (không còn là bên liên quan từ ngày 05/11/2022)	Công ty có thành viên góp vốn có liên quan đến thành viên chủ chốt
7.	Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng.	Chung người đại diện theo pháp luật
8.	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhựa An Dương (bên liên quan từ ngày 14/03/2022, từ 05/11/2022 không còn là bên liên quan)	Chung thành viên chủ chốt
9.	Công ty TNHH KJ Vina Hưng Yên (bên liên quan từ ngày 24/12/2022)	Công ty có lãnh đạo có liên quan đến thành viên chủ chốt trong Công ty

Giao dịch với các bên liên quan khác

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư Phú Bình Group		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	-
- Thu tiền bán hàng hóa	-	45.108.724.376
Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Phú Bình		
- Doanh thu bán hàng hóa	10.752.618.182	-
- Thu tiền bán hàng hóa	3.230.000.000	23.408.705.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Việt Bắc		
- Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	-	10.000.000.000
- Lợi nhuận hợp tác kinh doanh được chia	46.998.242	1.360.560.000
- Thu tiền lợi nhuận hợp tác kinh doanh	1.300.000.000	-
- Thu tiền đặt cọc	-	4.144.288.000
Công ty TNHH KJ Vina Hưng Yên		
- Doanh thu bán hàng hóa	5.660.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Số dư với các bên liên quan khác

Số dư với các bên liên quan khác được trình bày tại thuyết minh số V.2, V.3, V.5.

Bảo đảm của bên liên quan cho các khoản vay của Công ty

- Ông Nguyễn Đức Hiếu (Chủ tịch HĐQT) bảo lãnh cho Công ty bằng:

+ Toàn bộ tài sản của cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (thuyết minh số V.14);

+ Sổ tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Đô (thuyết minh số V.14).

+ Quyền sử dụng đất tại thửa đất số DC 25 tờ bản đồ số QH, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số CU 359483 (xem thuyết minh VII.3b)

- Ông Nguyễn Thế Anh (Thành viên HĐQT) bảo lãnh bằng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nhà biệt thự) tại thửa đất số 384 tờ bản đồ số 112, xã Ngọc Thanh, thành phố Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn với đất số CI 298291 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Tây Đô (thuyết minh số V.14).

- Bà Trần Thị Thu Linh (Phó Tổng Giám đốc, bổ nhiệm từ ngày 19/08/2022) bảo lãnh cho Công ty:

+ Bất động sản tại địa chỉ tổ 14 phường Long Biên, quận Long Biên, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN 880222 (thuyết minh số V.14);

+ Căn hộ chung cư số G4-0606, tòa G4-G5, Tổ hợp dịch vụ thương mại, văn phòng và chung cư Đại Kim (Five Star Garden), số 2 đường Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 302418 (thuyết minh số V.14).

- Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng (chung người đại diện theo pháp luật) bảo lãnh bằng cho Công ty bằng Quyền sử dụng đất tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, TP.Hải Phòng (thuyết minh số V.14).

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, Công ty chỉ kinh doanh mua bán hạt nhựa.

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty thế chấp hàng hóa và trái phiếu để đảm bảo cho các khoản vay (thuyết minh V.6, V.8).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Nhận thế chấp tài sản của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2022.

6. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Căn cứ vào Thông báo số 12012/2022/TB-VPB ngày 12/12/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về việc yêu cầu Công ty phải thanh toán toàn bộ số tiền 149.387.489.949 đồng trước ngày 22/12/2022, nhưng tại ngày lập Báo cáo tài chính Công ty chưa thanh toán số tiền trên.

Với các điều kiện trên cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, hiện tại khoản nợ trên được đảm bảo bởi:

- Hàng hóa của Công ty là hạt nhựa hình từ phương án mở L/C tại VP Bank để tại cảng (xem thuyết minh V.6);

- Công ty CP Phát triển Thương mại Tổng hợp và Đầu tư Hải Phòng (chung người đại diện theo pháp luật) bảo lãnh bằng Quyền sử dụng đất tại Phường Đông Hải, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng với số tiền đảm bảo cao nhất là 100.000.000.000 đồng (xem thuyết minh V.14).

Ngoài ra, biện pháp bảo đảm khác: Do ông Nguyễn Đức Hiếu (Chủ tịch HĐQT Công ty) bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 14/01/2022 bằng toàn bộ tài sản của cá nhân, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên được bảo lãnh (xem thuyết minh V.14).

Do vậy, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được lập dựa trên cơ sở Công ty hoạt động kinh doanh liên tục trong thời gian tới.

7. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm, từ ngày 18/01/2023, Bà Phan Thị Trà Giang được bổ nhiệm giữ chức vụ Kế toán trưởng thay thế cho Bà Phạm Linh Chi theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 18/01/2023.

Ngoài sự kiện trên, Công ty không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Công ty và kết quả kinh doanh của Công ty trong các kỳ sau ngày kết thúc năm tài chính.

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

Người lập biểu

NGUYỄN THỊ NGỌC

Kế toán trưởng

PHAN THỊ TRÀ GIANG



NGUYỄN ĐỨC HIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT

Địa chỉ: 18 Manor 1str, khu Sunrise A KĐT The Manor Central Park, đường Nguyễn Xiêm, phường Đại Kim, quận Hoàng Mai, tp. Hà Nội.
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Phụ lục 01

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	I	2	3=2+1
Tại ngày 01/01/2021	29.550.000.000	5.237.050.450	34.787.050.450
Tăng trong năm	-	2.349.459.762	2.349.459.762
- Lãi trong năm	-	2.349.459.762	2.349.459.762
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2021	29.550.000.000	7.586.510.212	37.136.510.212
Tại ngày 01/01/2022	29.550.000.000	7.586.510.212	37.136.510.212
Tăng trong năm	-	(7.639.451.894)	(7.639.451.894)
- Lãi trong năm	-	(7.639.451.894)	(7.639.451.894)
Giảm trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2022	29.550.000.000	(52.941.682)	29.497.058.318

Người lập biểu

Uc

NGUYỄN THỊ NGỌC

Kế toán trưởng

Phan Thị Trà Giang

PHAN THỊ TRÀ GIANG

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2023

06.003.2408
Chủ tịch Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ KTT
KTT
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

NGUYỄN ĐỨC HIẾU